

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 2019

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC DÒNG CHÍNH SÔNG ĐỒNG NAI, VÙNG ĐÔNG NAM BỘ
NĂM 2018

(Tuần từ ngày 11 tháng 01 năm 2019 đến ngày 17 tháng 01 năm 2019)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2018	Năm 2017	
Biên Hòa	0,0	0,1	- 95,0	-	- 75,0	2,1
Long Thành	0,0	1,6	- 41,9	-	-	0,7
Tà Lài	0,0	3,2	+ 25,9	+ 113,3	-	1,5
Vũng Tàu	0,0	4,4	+ 837,7	+ 1.000,0	-	0,1
Trị An	0,0	0,9	- 60,0	- 93,3	+ 125,0	0,3
Túc Trưng	0,0	1,6	+ 8,9	-	-	0,6
Trung bình	0,0	2,0	+ 112,6	+170,0	+8,3	0,9

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích các trạm đo chính trên khu vực cao hơn TBNN 112,6%, cao hơn năm 2018 là 170,0% và cao hơn 8,3% so với năm 2017. Trong tuần qua, tại các trạm đều không có mưa (0,0 mm). Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 0,9 mm, có xu hướng cao hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2018	2017		
Hồ Suối Vọng	4	3,64	91,02	+ 3,5	+ 1,4	+ 0,9	Giảm	22,45
Hồ Gia Ui	10,8	9,47	87,72	- 2,6	- 8,8	- 11,5	Giảm	34,68
Hồ Núi Le	3,5	3,25	92,81	- 3,6	- 3,0	- 6,2	Giảm	47,16
Hồ Suối Đầm	1,2	1,19	99,00	+ 14,2	+ 14,2	+ 5,1	Giảm	59,69
Hồ Suối Răng	2,6	2,52	97,00	+ 19,2	+ 24,8	+ 12,2	Giảm	23,52
Hồ Bà Hào	9,27	9,13	98,48	+ 10,5	+ 10,5	+ 5,5	Giảm	73,19

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2018	2017		
Hồ Sông Mây	15	14,05	93,66	+ 6,1	+ 7,8	- 6,3	Giảm	31,54
Hồ Mo Nang	1,15	1,13	98,43	+ 25,6	+ 27,2	+ 3,2	Giảm	26,72
Hồ Suối Đồi	1,2	1,19	99,15	+ 14,8	+ 12,2	+ 2,2	Giảm	93,08
Hồ Cầu Mới tuyến V	9	7,30	81,11	- 7,7	+ 0,3	- 11,5	Giảm	26,57
Hồ Cầu Mới tuyến VI	21	20,27	96,53	+ 3,4	+ 6,4	- 4,2	Giảm	28,09
Hồ Suối Tre	0,64	0,63	98,70	+ 4,7	+ 1,9	+ 1,0	Giảm	91,86
Hồ Đa Tôn	19,4	13,69	70,57	- 13,0	- 20,6	+ 1,8	Giảm	16,09
Hồ Bà Long	1,2	1,16	97,03	+ 11,8	- 2,2	+ 24,8	Giảm	39,86
Hồ Thanh Niên	0,6	0,59	98,51	+ 17,8	+ 23,1	- 7,0	Giảm	60,22
Hồ Sông Ray	215,36	128,16	59,51	- 12,3	- 3,0	- 25,9	Giảm	22,99
Hồ Đá Đen	33,4	24,66	73,83	- 4,3	+ 10,1	- 12,3	Giảm	47,52
Hồ Tâm Bó	5,85	4,02	68,69	- 17,2	- 19,5	- 18,8	Giảm	22,60
Hồ Đá Bàn	11,35	5,50	48,42	- 40,8	- 42,5	- 41,2	Giảm	43,97
Hồ Lò Ô	6	4,52	75,31	+ 15,1	+ 43,5	- 1,3	Giảm	70,35
Hồ Suối Giàu	12,2	8,75	71,71	+ 19,1	- 1,1	- 21,9	Giảm	42,31
Trung bình/Tổng	384,72^(*)	264,82	68,84	+ 3,1	+ 3,9	- 5,3		29,75

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ; (*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 384,72 triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 10/01/2019 trữ được ở mức khá so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 264,82 triệu m³ (đạt 68,84 % DTTK). Riêng hồ Đá Bàn (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) dung tích trữ chỉ đạt 48,4% DTTK. Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ năm 2017, cao hơn cùng kỳ năm 2018 và TBNN.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 01 của vụ Đông Xuân năm 2018-2019 của 21 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai (vùng Đông Nam Bộ) là **23,1** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2018-2019				Nhu cầu nước tưới tháng 01 cho vụ Đông Xuân (10 ⁶ m ³)
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
Tổng cộng		15.338,7	2.134,6	2.091,6	377,8	23,1
1	Hồ Suối Vọng			300		0,3
2	Hồ Gia Ui	228,53				1,0
3	Hồ Núi Le					0,0
4	Hồ Suối Đầm			65		0,1
5	Hồ Suối Răng			50		0,0
6	Hồ Bà Hào					0,0
7	Hồ Sông Mây	415	30		321,22	1,6
8	Hồ Mo Nang	40			4	0,2

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2018-2019				Nhu cầu nước tưới tháng 01 cho vụ Đông Xuân (10^6 m^3)
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
9	Hồ Suối Đồi	18,18		127,62		0,1
10	Hồ Cầu Mới tuyến V	41	548		3	0,3
11	Hồ Cầu Mới tuyến VI					
12	Hồ Suối Tre			67		0,0
13	Hồ Đa Tôn	2.030,0	50		6	4,4
14	Hồ Bà Long	45				0,2
15	Hồ Thanh Niên	35		5		0,2
16	Hồ Sông Ray	9.157,00				5,9
17	Hồ Đá Đen	773	1.250,00	750		4,3
18	Hồ Tầm Bó	303	75	367,5		0,6
19	Hồ Đá Bàn	1.760,00				3,5
20	Hồ Lò Ô	106				0,2
21	Hồ Suối Giàu	387	125	35		0,1

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 1 năm 2019 (10^6 m^3)
1	Hồ Suối Vọng	0,63
2	Hồ Gia Ui	0,67
3	Hồ Núi Le	0,59
4	Hồ Suối Đầm	0,47
5	Hồ Suối Răng	0,72
6	Hồ Bà Hào	0,65
7	Hồ Sông Mây	1,47
8	Hồ Mo Nang	0,06
9	Hồ Suối Đồi	0,14
10	Hồ Cầu Mới tuyến V	1,27
11	Hồ Cầu Mới tuyến VI	1,93
12	Hồ Suối Tre	0,14
13	Hồ Đa Tôn	0,60
14	Hồ Bà Long	0,08
15	Hồ Thanh Niên	0,03
16	Hồ Sông Ray	28,52
17	Hồ Đá Đen	3,90
18	Hồ Tầm Bó	0,65
19	Hồ Đá Bàn	0,49
20	Hồ Lò Ô	0,56
21	Hồ Suối Giàu	0,68

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 01 cho vụ Đông Xuân, kết quả dự báo tuần từ ngày 11/01/2019 đến ngày 17/01/2019 như sau:

- **21/21 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Vọng, hồ Gia Ui, hồ Núi Le, hồ Suối Đầm, hồ Suối Răng, hồ Bà Hào, hồ Sông Mây, hồ Mo Nang, hồ Suối Đồi, hồ Cầu Mới tuyến V, hồ Cầu Mới tuyến VI, hồ Suối Tre, hồ Đa Tôn, hồ Bà Long, hồ Thanh Niên, hồ Sông Ray, hồ Đá Đen, hồ Tầm Bó, hồ Đá Bàn, hồ Lò Ô, hồ Suối Giàu.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2018-2019 từ ngày 11/01/2019 đến 17/01/2019			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Vọng	91,02	300	87,65	100	300	
Hồ Gia Ui	87,72	646,21	84,54	100	646,21	
Hồ Núi Le	92,81	0	91,06	100	0	
Hồ Suối Đàm	99,00	65	97,12	100	65	
Hồ Suối Răng	97,00	50	93,09	100	50	
Hồ Bà Hào	98,48	0	96,43	100	0	
Hồ Sông Mây	93,66	766,22	90,58	100	766,22	
Hồ Mo Nang	98,43	46	95,40	100	46	
Hồ Suối Đồi	99,15	145,8	98,79	100	145,8	
Hồ Cầu Mới tuyến V	81,11	592	77,37	100	592	
Hồ Cầu Mới tuyến VI	96,53		94,90	100		
Hồ Suối Tre	98,70	67	97,12	100	67	
Hồ Đa Tôn	70,57	2.086	66,13	100	2.086	
Hồ Bà Long	97,03	45	95,79	100	45	
Hồ Thanh Niên	98,51	45	96,49	100	45	
Hồ Sông Ray	59,51	9.157	57,33	100	9.157	
Hồ Đá Đen	73,83	2.773	71,80	100	2.773	
Hồ Tầm Bó	68,69	745,5	69,93	100	745,5	
Hồ Đá Bàng	48,42	1.760	50,12	100	1.760	
Hồ Lò Ô	75,31	106	75,84	100	106	
Hồ Suối Giàu	71,71	547	72,14	100	547	
Trung bình/Tổng	68,84	19.942,73^(*)	66,77	100	19.942,73^(*)	

Ghi chú: ^(*) giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tà Lài	Mã Đà, Phú Lý – Vĩnh Cửu	4,7	-	- 13	- 90	Rủi ro hạn thấp
	Phú Xuân – Tân Phú					
Túc Trung	Xuân Thiện, Quang Trung – Thống Nhất	2,2	-	- 22,9	- 91,1	Rủi ro hạn thấp
Trị An	Cây Gáo, Đồi 61 – Trảng Bom	1,2	-	- 61,9	- 97,3	Rủi ro hạn thấp
Long Thành	Bình Sơn, Bình An, Bàu Cạn – Long Thành	2,3	-	- 51,9	- 94,4	Rủi ro hạn thấp
Trung bình		2,6	-	- 37,5	- 93,2	Rủi ro hạn thấp

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi thấp hơn lượng mưa TBNN 37,5% và cao hơn so với năm có lượng mưa nhỏ nhất (do lượng mưa lũy tích năm nhỏ nhất tính đến thời điểm ngày 17/1 các trạm là 0 mm). Như vậy, khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán:

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
19.942,7	15.338,7	4.604,0					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 17/01/2019 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 256,86 triệu m³ (chiếm 66,77 % so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 21/21 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 17/01/2019 không thay đổi.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 21 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai-vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 18/01/2019 (tuần sau)/.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu VT.

VIỆN TRƯỞNG